

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 07 tháng 5 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Ông Lương Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 364/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/DSST-QĐ ngày 18 tháng 03 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 233/2020/TB-TA ngày 01/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1969; Địa chỉ: T 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim Ht, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. **Vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:*

Chị là Trần Thị Thu H (sau đây gọi là nguyên đơn) có quen biết với chị Trần Thị Kim Ht, sinh năm 1971 (sau đây gọi là bị đơn) nên nguyên đơn có cho bị đơn mượn tiền 04 lần với tổng số tiền là 109.000.000 đồng và bị đơn viết 04 giấy mượn tiền, có ký nhận và đưa cho nguyên đơn giữ: Ngày 28/10/2018 âm lịch bị đơn mượn 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Ngày 15/02/2019 âm lịch

bị đơn mượn 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); Ngày 04/5/2019 âm lịch bị đơn mượn 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng); Ngày 29/7/2019 âm lịch bị đơn mượn 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền trên không có trả lãi, hai bên thỏa thuận khi nào nguyên đơn vẫn tiền thì yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền đã mượn thì bị đơn sẽ trả lại ngay. Đến cuối tháng 9 năm 2019 âm lịch, nguyên đơn cần tiền nên đến gặp bị đơn để yêu cầu trả lại số tiền đã cho mượn 04 lần nêu trên và bị đơn hứa và hẹn nhiều lần nói là để trả nhưng đến nay vẫn không chịu trả. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền đã mượn của nguyên đơn 04 lần nêu trên là 109.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Việc cho mượn tiền nêu trên chỉ là tiền riêng của nguyên đơn và chỉ do nguyên đơn và bị đơn tiến hành không có liên quan gì đến chồng, con của nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt không có lý do và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án để xem xét.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có mặt trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền không có mục đích lợi nhuận, bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ **tổ 5**, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên tranh chấp trên được nguyên đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, tại 04 chứng cứ là bản chính của các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ vụ án và theo lời khai của nguyên đơn thì các 04 chứng cứ, tài liệu này do bị đơn viết và ký, cụ thể có nội dung như sau:

- 01 Giấy vay tiền (bản chính - bút lục: 41) có nội dung như sau: “*em Trần Thị Kim Ht có mượn chị H với số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng chẵn). Hôm nay ngày 28/10/2018 Âm lịch. Cuối giấy có “chữ ký” và ghi tên “Trần Thị Kim Ht”*” (bản chính + bản phô tô).

- 01 Giấy vay tiền (bản chính - bút lục: 39) có nội dung như sau: “*em Ht ở số nhà 10A đường T có mượn chị H là 25 triệu (hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Cuối giấy có ghi “người mượn” và “chữ ký” và ghi tên “Trần Thị Kim Ht” và ghi 15 tháng 2 năm 2019AL”*” (bản chính + bản phô tô).

- 01 Giấy vay tiền (bản chính - bút lục: 37) có nội dung như sau: “*em Ht ở 10A đường T có mượn chị H với số tiền là 34.000.000 (bốn mươi bốn triệu đồng chẵn). Hôm nay ngày 4/5/2019 Âm lịch. Cuối giấy có ghi “người mượn” và “chữ ký” và ghi tên “Trần Thị Kim Ht”*” (bản chính + bản phô tô).

- 01 Giấy vay tiền (bản chính - bút lục: 35) có nội dung như sau: “*em Trần Thị Kim Ht ở số nhà 10A Nguyễn T có mượn chị Hà số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng chẵn). Hôm nay ngày 29/7/2019 Âm lịch. Cuối giấy có ghi “người mượn” và “chữ ký” và ghi tên “Trần Thị Kim Ht”*” (bản chính + bản phô tô).

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại các chứng cứ nêu trên đã thể hiện rõ nội dung là: Chị Trần Thị Kim Ht đã vay nguyên đơn 04 lần tiền với tổng số tiền là 109.000.000 đồng. Theo lời khai của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thì việc cho vay trên không có ghi thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận bằng miệng là khi nào nguyên đơn cần tiền thì bị đơn sẽ trả lại toàn bộ tiền vay cho nguyên đơn, tuy nhiên đến cuối tháng 9 năm 2019 âm lịch, nguyên đơn cần tiền nêu đến gặp bị đơn để yêu cầu trả lại số tiền đã cho mượn 04 lần nêu trên và bị đơn hứa và hẹn nhiều lần nói là để trả nhưng đến nay vẫn không chịu trả (bút lục 30). Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, việc bị đơn không chịu trả nợ cho nguyên đơn là gây thiệt hại cho nguyên đơn và nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chỉ trả lại số tiền gốc đã vay 04 lần nêu trên với tổng số tiền là 109.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 227, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1969. Buộc chị Trần Thị Kim Ht, sinh năm 1971 có nghĩa vụ trả cho Trần Thị Thu H, sinh năm 1969 với tổng số tiền nợ vay là 109.000.000 đồng, phát sinh tại

04 giấy vay tiền vào ngày 28/10/2018 âm lịch, ngày 15/02/2019 âm lịch, ngày 04/5/2019 và ngày 29/7/2019 âm lịch.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc chị Trần Thị Kim Ht phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm với số tiền là **5.450.000** đồng.

- Trả lại cho chị Trần Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.725.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002257 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đoàn Xuân Hòa